

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh  
 Cơ quan quản lý cấp trên: Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi  
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung học cơ sở Bình Hòa  
 Mã đơn vị: T03/783100  
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09a-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022**

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mại thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mại (nếu có)		Ghi chú
											Nợ NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Đầu tư xây dựng, mua sắm		8				43.568.235,00						
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp		7				39.362.521,00						
	Khởi nhà chính		1			2020	34.687.253,00						
	Nhà xe giao viên		1			2020	339.717,00						
	Nhà xe học sinh		1			2020	740.980,00						
	Nhà tập đa năng		1			2020	2.722.294,00						
	Nhà xử lý nước		1			2020	448.268,00						
	Nhà bảo vệ		1			2020	164.903,00						
	Nhà chứa máy bơm PCCC		1			2020	259.106,00						
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác		1				4.205.714,00						
	Công, tường rào		1			2020	4.205.714,00						
II	Tài sản giao mớ		1				13.753.503,20						
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp		1				13.753.503,20						
	Tường THCS Bình Hòa (Cơ sở 1)		1				13.753.503,20						



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh  
 Cơ quan quản lý cấp trên: Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi  
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung học cơ sở Bình Hòa  
 Mã đơn vị: T03783100  
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2022**

Stt	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá trị quyền sử dụng đất theo số kế toán (Nghìn đồng)	Trụ sở làm việc	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m <sup>2</sup> )					Sử dụng khác	Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m <sup>2</sup> )	Giá trị theo số kế toán (Nghìn đồng)		Trụ sở làm việc	Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m <sup>2</sup> ))					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Nguyên giá				Giá trị còn lại	Không kinh doanh		Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Trường THCS Bình Hòa, Ấp 4B, Xã Bình Mỹ, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	4.214,20	3.792.780,00	4.214,20																		
1.1	Sửa chữa, cải tạo Nhà vệ sinh học sinh, Ấp 4B, Xã Bình Mỹ, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh									2013	26,60	470.337,00	180.170,43		26,60							
1.2	Sửa chữa, cải tạo Phòng học lớp 6, Ấp 4B, Xã Bình Mỹ, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh									2013	67,24	471.109,00	180.466,15		67,24							
1.3	Sửa chữa, cải tạo nhà vệ sinh giáo viên, hàng rào, Ấp 4B, Xã Bình Mỹ, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh									2013	16,40	340.839,00	130.564,06		16,40							
1.4	Khởi nhà số 2 (Phòng học), Ấp 4B, Xã Bình Mỹ, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh									1992	192,00	92.911,01			192,00							
1.5	Khởi nhà số 3 (Phòng học), Ấp 4B, Xã Bình Mỹ, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh									1992	192,00	92.911,01			192,00							
1.6	Khởi nhà số 4 (Phòng học), Ấp 4B, Xã Bình Mỹ, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh									1992	256,00	119.042,23			256,00							



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh  
 Cơ quan quản lý cấp trên: Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi  
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung học cơ sở Bình Hòa  
 Mã đơn vị: T03783100  
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09c-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC**  
**NĂM 2022**

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận	Số lượng	Giá trị theo số kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng											
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	9	10	11	12	13	14	15				
					Trong đó	Nguồn ngân sách									Nguồn khác			
I	Ô tô		4	5	6	7	8											
II	Tài sản cố định khác		68	5.283.380,88	5.257.945,18	25.435,70	4.414.501,88											
	Tài sản trên 500 triệu		1	4.205.714,00	4.205.714,00		3.785.142,60											
1	Công, tương rào		1	4.205.714,00	4.205.714,00		3.785.142,60											
	Tài sản dưới 500 triệu		67	1.077.666,88	1.052.231,18	25.435,70	629.359,28											
1	Hàng rào		1	20.168,40	20.168,40													
2	Hệ thống lọc nước		1	15.000,00		15.000,00												
3	Công suất, sân lót đan		1	5.761,92	5.761,92													
4	Máy vi tính văn phòng	Phòng Tài vụ	1	12.100,00	12.100,00		7.260,00											
5	Máy vi tính văn phòng	Phòng Tài vụ	1	12.100,00	12.100,00		7.260,00											
6	Máy vi tính văn phòng	Phòng Tài vụ	1	12.100,00	12.100,00		7.260,00											
7	Máy tính server	Phòng học ngoại ngữ	1	15.400,00	15.400,00		9.240,00											
8	Máy vi tính văn phòng	Phòng Hiệu Phó 1	1	12.100,00	12.100,00		7.260,00											
9	Máy vi tính văn phòng	Phòng đọc sách giáo viên	1	12.100,00	12.100,00		7.260,00											



10	Máy tính server	Phòng học ngoại ngữ	1	15.400,00	15.400,00		9.240,00												
11	Máy tính server	Phòng tin học vi tính	1	15.400,00	15.400,00		9.240,00												
12	Máy tính server	Phòng tin học vi tính	1	15.400,00	15.400,00		9.240,00												
13	Máy vi tính để bàn	Phòng Tài vụ	1	12.590,00	12.590,00														
14	Máy vi tính để bàn	Phòng Hiệu trưởng	1	10.435,70	10.435,70		4.174,28												
15	Máy vi tính văn phòng	Phòng Tài vụ	1	12.100,00	12.100,00		7.260,00												
16	Máy vi tính văn phòng	Phòng Hiệu trưởng	1	12.100,00	12.100,00		7.260,00												
17	Máy vi tính văn phòng	Phòng Hiệu Phó 2	1	12.100,00	12.100,00		7.260,00												
18	Máy vi tính xách tay		1	10.241,00	10.241,00														
19	Máy vi tính xách tay	Phòng Văn phòng	1	10.241,00	10.241,00														
20	Máy vi tính xách tay		1	10.241,00	10.241,00														
21	Máy vi tính xách tay	Phòng Văn phòng	1	10.241,00	10.241,00														
22	Máy vi tính xách tay		1	10.241,00	10.241,00														
23	Máy in kim	Phòng Tài vụ	1	19.800,00	19.800,00		11.880,00												
24	Máy photocopy	Phòng Văn phòng	1	34.738,00	34.738,00														
25	Máy lạnh	Phòng khách	1	27.500,00	27.500,00		20.625,00												
26	Máy lạnh	Phòng Hiệu Phó 1	1	27.500,00	27.500,00		20.625,00												
27	Máy lạnh	Phòng Hiệu trưởng	1	27.500,00	27.500,00		20.625,00												
28	Máy lạnh	Phòng Hiệu Phó 2	1	27.500,00	27.500,00		20.625,00												
29	Máy lạnh	Phòng tin học vi tính	1	27.500,00	27.500,00		20.625,00												
30	Máy lạnh	Phòng tin học vi tính	1	27.500,00	27.500,00		20.625,00												
31	Máy lạnh	Phòng học ngoại ngữ	1	27.500,00	27.500,00		20.625,00												
32	Bộ bàn ghế salon	Phòng Hiệu trưởng	1	11.000,00	11.000,00		8.250,00												
33	hệ thống trình chiếu	Phòng tin học vi tính	1	15.400,00	15.400,00		9.240,00												
34	Máy chiếu	Phòng học ngoại ngữ	1	15.400,00	15.400,00		9.240,00												
35	Máy chiếu công nghệ DLP	Phòng chuẩn bị TN Lý	1	15.400,00	15.400,00		9.240,00												
36	Máy chiếu công nghệ DLP	Phòng thí nghiệm Sinh	1	15.400,00	15.400,00		9.240,00												
37	Máy chiếu	Phòng Thiết bị	1	9.582,00	9.582,00														

38	Máy chiếu công nghệ DLP	Phòng thi nghiệm Lý	1	15.400,00	15.400,00	9.240,00												
39	Bộ chuyển đổi tín hiệu và điều khiển thiết bị ngoại vi	Phòng học ngoại ngữ	1	44.000,00	44.000,00	26.400,00												
40	Hệ thống điều khiển giáo viên	Phòng học ngoại ngữ	1	15.400,00	15.400,00	9.240,00												
41	Khởi điều khiển trung tâm	Phòng học ngoại ngữ	1	33.000,00	33.000,00	19.800,00												
42	Cảm biến phé dung kế	Phòng thi nghiệm Sinh	1	11.000,00	11.000,00	8.250,00												
43	Bảng tương tác thông minh	Phòng thi nghiệm Sinh	1	26.400,00	26.400,00	19.800,00												
44	Cảm biến phông đại vật thể	Phòng thi nghiệm Sinh	1	11.000,00	11.000,00	8.250,00												
45	máy thu hình vật thể	Phòng thi nghiệm Sinh	1	15.400,00	15.400,00	11.550,00												
46	Cảm biến đo vòng ngược	Phòng thi nghiệm Sinh	1	11.000,00	11.000,00	8.250,00												
47	Cảm biến ghi nhíp tìm	Phòng thi nghiệm Sinh	1	11.000,00	11.000,00	8.250,00												
48	Cảm biến âm thanh	Phòng thi nghiệm Lý	1	11.000,00	11.000,00	8.250,00												
49	Bộ giao diện tin học hóa PTN Lý Dataharvest	Phòng thi nghiệm Lý	1	15.400,00	15.400,00	11.550,00												
50	Bộ giao diện tin học hóa PTN Sinh Dataharvest	Phòng thi nghiệm Sinh	1	15.400,00	15.400,00	11.550,00												
51	Cảm biến độ ẩm	Phòng thi nghiệm Sinh	1	11.000,00	11.000,00	8.250,00												
52	Bàn họp Oval 20 chỗ	Phòng Giáo viên	1	15.400,00	15.400,00	11.550,00												
53	Cảm biến lực	Phòng thi nghiệm Lý	1	11.000,00	11.000,00	8.250,00												
54	máy thu hình vật thể	Phòng thi nghiệm Lý	1	15.400,00	15.400,00	11.550,00												
55	Cảm biến công quang	Phòng thi nghiệm Lý	1	11.000,00	11.000,00	8.250,00												
56	Cảm biến chuyển động	Phòng thi nghiệm Lý	1	11.000,00	11.000,00	8.250,00												
57	Bảng tương tác thông minh	Phòng thi nghiệm Lý	1	26.400,00	26.400,00	19.800,00												
58	máy thu hình vật thể	Phòng chuẩn bị TN Lý	1	15.400,00	15.400,00	11.550,00												
59	Cảm biến dòng điện	Phòng chuẩn bị TN Lý	1	11.000,00	11.000,00	8.250,00												
60	Bảng tương tác thông minh	Phòng chuẩn bị TN Lý	1	26.400,00	26.400,00	19.800,00												
61	Cảm biến độ dẫn điện	Phòng chuẩn bị TN Lý	1	11.000,00	11.000,00	8.250,00												
62	Cảm biến điện áp	Phòng chuẩn bị TN Lý	1	11.000,00	11.000,00	8.250,00												
63	Cảm biến áp suất	Phòng chuẩn bị TN Lý	1	11.000,00	11.000,00	8.250,00												
64	Bộ dụng cụ y tế	Phòng y tế	1	11.000,00	11.000,00	8.250,00												



65	Bảng tương tác thông minh	Phòng học ngoại ngữ	1	26.400,00	26.400,00		19.800,00										
66	Bàn chứa nước		1	7.836,86	7.836,86												
67	Máy vi tính	Phòng Tài vụ	1	7.249,00	7.249,00												
	<b>Tổng</b>		<b>68</b>	<b>5.283.380,88</b>	<b>5.257.945,18</b>	<b>25.435,70</b>	<b>4.414.501,88</b>										

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thu Nhi

Cu Chi, ngày 29 tháng 12 năm 2022  
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Cư

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh  
 Cơ quan quản lý cấp trên: Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi  
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung học cơ sở Bình Hòa  
 Mã đơn vị: T03783100  
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09d-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022**

Stt	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo số sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú
		Nguyên giá	Nguyên sách	Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiền hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
II	Xe Ô tô															
III	Tài sản cố định khác															
	Tài sản có nguyên giá trên 500 triệu															
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu															

Người lập biểu  
 (Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hiền

Củ Chi, ngày 29 tháng 12 năm 2022

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
 (Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Cư

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung học cơ sở Bình Hòa

Mã đơn vị: T03783100

Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 094-CK/TSC

### CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng / diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng / diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng thuê tài sản, số..., ngày...	Thời hạn cho thuê từ... đến...	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng / diện tích tài sản liên doanh liên kết	Đối tác liên doanh / liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ..., đến)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
I	Nhà, đất	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Đất				60 m2	27.500.000 đ/tháng	Lương Thị Cúc	HD số 09/THCSBH ngày 24/1/2022	Từ 24/1/2022 đến 23/1/2027	152.317						
	Đất				100 m2	2.250.000 đ/tháng	Lương Thị Cúc	HD số 10/THCSBH ngày 24/1/2022	Từ 24/1/2022 đến 23/1/2027	12.462						
II	Xe ô tô															
III	Tài sản cố định khác															
	Tổng									164.779						

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thu Nhiễu

Củ Chi, ngày 29 tháng 12 năm 2022

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ  
(Ký, họ tên và đóng dấu)



\*Nguyễn Văn Cư